TAND TP. THÁI NGUYÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 50/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 07/9/2017
Vụ: H- H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Tuấn Hưởng, cán bộ hưu phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên;

Bà Hà Thị Dung, cán bộ hưu phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên: Ông Nguyễn Đức Chiến- chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017 tại hội trường, Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 2 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2017/QĐSTHNGĐ, ngày 08 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1978

Nơi công tác: Đại đội S, phòng M, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Nguyên.

(có mặt tại phiên toà)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1979

ĐKHKTT: Tổ L, phường C, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

(có mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, tại bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố TH. Hai bên đều tự nguyện kết hôn, không bị ai ép buộc gì và được hai bên gia đình đồng ý có tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống. Cuộc sống chung của hai vợ chồng

hạnh phúc được một thời gian. Hai vợ chồng có một con chung tên là Nguyễn Đức T, sinh ngày 17/12/2006. Sau đó phát sinh mâu thuẫn, anh đi bộ đội, chị H ở nhà không hòa thuận với mẹ và các anh chị em nhà chồng. Chị H thiếu tôn trọng anh, coi trọng vấn đề tiền bạc nên thiếu sự tôn trọng đối với gia đình. Chị H có mối quan hệ ngoài xã hội làm ảnh hưởng đến gia đình, cho vay nặng lãi và vay nặng lãi. Anh và gia đình đã có lần phải đứng ra trả nợ cho chị H, lần gần đây nhất mẹ đẻ chị H đã phải bán nhà để trả nợ cho chị H. Anh H khuyên giải chị H nhiều lần, chị H có hứa hẹn sửa chữa tuy nhiên chị H không thay đổi mà vẫn tiếp tục làm công việc theo ý mình. Từ tháng 10 năm 2016 đến nay chị H đã bỏ ra ngoài ở, không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã trở nên trầm trọng không thể hòa giải nên đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị H.

Khi ly hôn về con chung: anh H nhất trí để chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đức T, sinh ngày 17/12/2006 và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mức 2.000.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu trưởng thành.

Tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh H nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Phía bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H trong bản tự khai và tại các buổi hòa giải, cũng như tại phiên tòa hôm nay đều xác định: Anh H khai về mâu thuẫn gia đình là sai, chị không mâu thuẫn với anh em nhà chồng, chỉ mâu thuẫn với một người anh trai của anh H. Trong quá trình chung sống anh H có nhiều lỗi với chị như không thăm con... Bản thân chị có nợ nần nhưng gia đình anh H không cho tiền để chị trả nợ... Do anh H nợ nần dẫn đến chị gái anh H phải tự tử, anh H đổ lỗi cho chị một phần về cái chết đó. Anh H có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên muốn nhanh chóng ly hôn để kết hôn với người khác. Chị xác định mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đều do lỗi cả hai bên, trong lúc nóng giận chị không kiềm chế được bản thân. Trước đây chị muốn níu kéo để vợ chồng về đoàn tụ là vì con. Tuy nhiên tại phiên tòa chị xác định không còn tình cảm với anh H, mâu thuẫn không thể giải quyết được nên anh H xin ly hôn chị hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Chị H đề nghị được là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Đức T. Chị đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con mà anh H đưa ra là 2.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H đề nghị Tòa án giải quyết phần tài sản chung và nợ chung. Về tài sản chung gồm có một diện tích đất là 1000m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 937721, ngày 02/6/2014 mang tên Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị Thu H. Chị đề nghị được hưởng 500m^2 để cho con sau này. Phần nợ chung gồm khoản nợ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Thái Nguyên 100.000.000 đồng. Chị đề nghị anh H là người có

trách nhiệm trả nợ. Hai chiếc xe mô tô mang tên Nguyễn Thị Thu H, chị đề nghị được sử dụng 01 chiếc mua năm 2014, còn chiếc xe mua năm 2009 để anh H được sử dụng. Các tài sản vật dụng sinh hoạt khác chị để anh H được quyền sử dụng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, nhưng các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án, do vậy vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Trong phần tranh luận, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu, đề nghị giải quyết về quan hệ vợ chồng; quan hệ con chung; không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Bị đơn có yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung, tuy nhiên không chấp nhận nộp tiền tạm ứng án phí theo thông báo của Tòa án.

Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, phát biểu quan điểm về đượng lối giải quyết vụ án.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành quy định về tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tại phiên tòa, các đương sự đã hòa giải, tự nguyện thỏa thuận về quan hệ vợ chồng, quan hệ về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nên đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận đó. Riêng về quan hệ về tài sản chung, nợ chung, bị đơn có yêu cầu chia nhưng không nộp chứng cứ và tiền tạm ứng án phí nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

Về án phí nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Về nội dung: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố TH, trên cơ sở tự nguyên nên được pháp luật thừa nhận đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị đã có một con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 17/12/2006.

Về nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không có sự tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau; không tìm được tiếng nói chung trong khi giải quyết mâu thuẫn hàng ngày... Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị H đã trầm trọng, hai bên đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được nếu có tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Tại phiên tòa cả hai đều xác định không còn tình cảm với nhau nữa và nhất trí xin thuận tình ly hôn. Xét thấy sự thuận tình ly hôn của cả

hai bên là tự nguyện, không trái pháp luật, phù hợp với các Điều 51, 55 luật Hôn nhân và gia đình 2015 nên chấp nhận để giải phong cho cả hai bên.

Về con chung: Tại phiên tòa, anh H và chị H đã thỏa thuận được với nhau về việc giao con chưa thành niên và việc cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn. Hơn nữa, cháu Nguyễn Đức Tcũng có nguyện vọng ở với mẹ. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định:

" 1. Sau khi ly hôn, vợ chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của luật này, bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ và quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thoả thuận được thì Toà án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Chị H có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã giải thích pháp luật, yêu cầu chị H cung cấp các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định. Tuy nhiên chị H không thực hiện nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, chị H thừa nhận đã được Tòa án tống đạt Thông báo số 11/TB-YCĐS ngày 11/8/2017 về việc Đương sự yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nhưng chị trả lời là không nộp. Do chị H không thực hiện nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung nên Hội đồng không có căn cứ để xem xét yêu cầu của chị H. Như vậy quan hệ tài sản chung, nợ chung của anh H, chị H sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác nếu một trong hai bên có yêu cầu.

Về án phí: Anh H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. **Quan hệ hôn nhân:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Thu H.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 17/12/2006 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh H được quyền đi lại thăm nom con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mức 2.000.000đ (hai triệu đồng)/ tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất trên số tiền chậm thi hành cho đến khi thi hành xong. Mức lãi suất theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này một trong hai bên đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Án phí: Anh H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 004784 ngày 07/2/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hàh án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP;
- Chi cục THADS TP;
- TAND tỉnhTN;
- Đương sự;
- UBND phường Cam Giá;
- Lưu HS, BP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hà